|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| C:\Users\HP\Downloads\125768935_1728048680702943_4686990245489145390_n.jpg | **CÔNG TY TNHH TĂNG LONG PACK** | Mã hiệu: TLP-MTS-03 |
| Soát xét: 00 |
| **MÔ TẢ SẢN PHẨM** |
| Ngày: 15/07/2023 |

1. **MÔ TẢ SẢN PHẨM**:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **ĐẶC ĐIỂM** | **MÔ TẢ** |
| 1 | Tên sản phẩm | Bao bì OPP/PE |
| 2 | Nguyên liệu | * Màng OPP * Màng PE * Mực in * Keo ghép * Dung môi |
| 3 | Khu vực khai thác | Mua từ các đơn vị sản xuất, nhà cung cấp trong và ngoài nước. |
| 4 | Cách thức vận chuyển và tiếp nhận nguyên liệu | Vận chuyển bằng xe tải, container đến kho hàng |
| 5 | Các công đoạn sản xuất | Màng OPP 🡪 in mực 🡪 ghép với màng PE 🡪 chia cuộn 🡪 làm túi 🡪 thành phẩm. |
| 6 | Mô tả tóm tắt quy cách thành phẩm | Sản phẩm được cung cấp dưới dạng cuộn hoặc túi với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng. |
| 7 | Thành phần khác | Không |
| 8 | Kiểu bao gói | * Sản phẩm được bao bọc trong túi hoặc lớp màng nhựa, và được đóng gói trong bao PP hoặc thùng carton. * Số lượng tùy theo từng loại sản phẩm, tuy nhiên khối lượng không quá 25kg/thùng hoặc bao. |
| 9 | Điều kiện bảo quản | Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp |
| 10 | Điều kiện phân phối và vận chuyển sản phẩm | Bốc xếp, vận chuyển cẩn thận, nhẹ nhàng, tránh rơi rớt, va đập mạnh. |
| 11 | Thời hạn sử dụng | 8 tháng kể từ ngày sản xuất |
| 12 | Yêu cầu về dán nhãn | Trên thùng/bao gói có dán đầy đủ tem nhãn và mẫu sản phẩm bên trong.  Trên tem nhãn phải có các thông tin sau:  - Tên công ty  - Tên sản phẩm  - Mã lô hàng  - Quy cách sản phẩm  - Số lượng  - Tên nhân viên vận hành |
| 13 | Phương thức sử dụng | Dùng để bao gói trực tiếp hoặc gián tiếp sản phẩm khác |
| 14 | Đối tượng sử dụng | Các nhà sản xuất có nhu cầu sử dụng bao bì |
| 15 | Các quy định, yêu cầu tuân thủ | Quy định về ATVSTP, quy chuẩn về bao bì bằng nhựa tiếp xúc trực tiếp thực phẩm QCVN 12-1:2011/BYT |
| 16 | Kiểm soát phân phối | Phân phối trực tiếp đến kho khách hàng |
| 17 | Tiêu chuẩn/Chỉ tiêu sản phẩm | Theo công bố sản phẩm số: 10/TALOPACK/2023 |

1. **MÔ TẢ TÓM TẮT QUY TRÌNH SẢN XUẤT:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **CÔNG ĐOẠN** | **THÔNG SỐ KỸ THUẬT** | **MÔ TẢ** |
| 1 | Nguyên liệu | Theo tiêu chuẩn chất lượngnguyên vật liệu | Nguyên liệu sử dụng để sản xuất là màng nhựa OPP, hạt nhựa PE, mực in, keo ghép, dung môi. Chỉ sử dụng các nguyên liệu đạt tiêu chuẩn, không bị thôi nhiễm, bảo đảm an toàn thực phẩm của nguyên liệu sử dụng sản xuất bao bì, dụng cụ chứa đựng thực phẩm để đưa vào sản xuất. |
| 2 | In | Theo tiêu chuẩn chất lượng khâu in | Màng nhựa OPP được in ấn hình ảnh bởi máy in. Trong quá trình in, màng đã in được sấy khô trực tiếp trong buồng sấy của máy in. |
| 3 | Ghép | Theo tiêu chuẩn chất lượng khâu ghép | Lớp màng OPP bên ngoài sau khi in được ghép với lớp màng PE bằng keo. Màng sau khi ghép có thể được để trong môi trường thông thoáng hoặc được sấy ở nhiệt độ 40 - 450C trong khoảng 12 đến 36 tiếng để keo ghép được đóng rắn trước khi chuyển sang công đoạn tiếp theo. |
| 4 | Chia | Theo tiêu chuẩn chất lượng khâu chia | Màng sau khi ghép được tiến hành chia thành từng cuộn nhỏ với kích thước tùy theo nhu cầu của khách hàng. |
| 5 | Làm túi | Theo tiêu chuẩn chất lượng khâu làm túi | Màng sau khi ghép có thể được chuyển thẳng lên máy làm túi để làm thành túi, hoặc có thể được chia thành cuộn nhỏ rồi mới tiến hành làm thành túi. Kích thước túi tùy theo nhu cầu của khách hàng. |
| 6 | Thành phẩm | Điều kiện bảo quản theo tiêu chuẩn ATVSTP | Thành phẩm sau khi hoàn thiện được chuyển vào kho chứa để lưu trữ và bảo quản; điều kiện trang thiết bị, dụng cụ trong kho chứa đảm bảo an toàn thực phẩm. |

1. **LƯU ĐỒ QUY TRÌNH SẢN XUẤT:**

Ghép

Làm túi

Chia cuộn

Bảo ôn sau ghép

in

Bảo quản

Bảo quản

Bảo quản

Bảo quản

Bảo quản